TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:**06**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 4 - 2018
V/v "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đẩu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Bà **Huỳnh Phương Lan**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang: Ông **Lâm Sển** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành-Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2018/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2018 về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST - HNGĐ ngày 11/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị Kim X,** sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: ấp HT, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.

2. Bị đơn: Anh **Danh An N,** sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp XX, xã BA, huyện CT, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2018 và các lời khai trong bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 04/3/2019 nguyên đơn chị Thị Kim X trình bày:***

Vào năm 2017, chị và anh Danh An N tự nguyện yêu thương nhau và chung sống với nhau, có làm lễ cưới sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã BA, huyện CT, tỉnh KG. Thời gian đầu vợ chồng anh chị sống hạnh phúc và rất yêu thương nhau. Anh chị có 01 người con Danh Kim HA, sinh ngày 07/4/2018. Nhưng đến nay thì giữa anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và anh chị đã nhiều lần

cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Đến nay chị cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tôi khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị X yêu cầu:

- Về hôn nhân: xin được ly hôn với anh Danh An N

- Về việc nuôi con chung: Chị yêu cầu được nuôi người con chung tên Danh Kim HA, sinh ngày 07/4/2018. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.+

**** Bị đơn anh Danh An N trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 04/3/2019.***

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung anh N xác nhận đúng như chị X trình bày.

Tại phiên tòa anh N có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Thị Kim X

- Về việc nuôi con chung: Anh đồng ý giao người con chung tên Danh Kim HA, sinh ngày 07/4/2018. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý hồ sơ, quá trình giải quyết và tại phiên tòa thì Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; Về nội dung vụ án: xét thấy việc yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Thị Kim X là có căn cứ đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận; ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thị Kim X và anh Danh An Nlà anh N đồng ý giao 01 người con chung tên: Danh Kim HA, sinh ngày 07/4/2018 cho chị Thị Kim X trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Chị Thị Kim X và anh Danh An N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chung: Chị Thị Kim X và anh Danh An N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Kim X thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh KG.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Thị Kim X yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Danh An Nvà xin được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Danh Kim HA, sinh ngày 07/4/2018. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*"

[3] - Về nội dung vụ án: Nguyên đơn chị Thị Kim X cho rằng nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chúng tôi đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Đến nay tôi cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn.

Bị đơn anh Danh An N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn với chị Thị Kim X.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Thị Kim X và anh Danh An N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa chị Thị Kim X cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh N. Do đó việc xin ly hôn của chị Xây đối với anh N là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị Kim X đối với anh Danh An N.

[4] - Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thị Kim X và anh Danh An N là anh N đồng ý giao 01 người con chung tên: Danh Kim HA, sinh ngày 07/4/2018 cho chị Thị Kim X trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[5] - Về tài sản chung: Chị Thị Kim X và anh Danh An N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[6] - Về nợ chung vợ chồng: Chị Thị Kim X và anh Danh An N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[7] Về ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, nên ghi nhận để xem xét.

[8] - Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Thị Kim X phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị X được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009422 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điiều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14; Điều 56; Điều 57; Điều 80; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Thị Kim X đối với bị đơn và anh Danh An N.

1- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Thị Kim X được ly hôn với bị đơn và anh Danh An N.

2 - Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Thị Kim X và anh Danh An N là anh N đồng ý giao 01 người con chung tên: Danh Kim HA, sinh ngày 07/4/2018 cho chị Thị Kim X trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Chị X không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Chị Thị Kim X và anh Danh An N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

4 - Về nợ chung: Chị Thị Kim X và anh Danh An N xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

5- Về án phí : Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc nguyên đơn chị Thị Kim X phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng chị X được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009422 ngày 17/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT. .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6 - Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyệnChâu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: hồ sơ, V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mai Tấn Đẩu